TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/07/2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hằng.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2023 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc Th**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 69, đường 2/9 khu phố 3, phường T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1974 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 69, đường 2/9 khu phố 3, phường T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Th trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T quen biết, yêu thương và chung sống với nhau từ năm 1996 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa

ông và bà T không có mâu thuẫn gì trầm trọng, tuy nhiên bà T thường xuyên bỏ nhà đi không rõ lý do, bà T vay nợ nên ông phải thay bà T trả nợ nhiều lần. Đến năm 2018 thì bà T bỏ đi trong thời gian dài không về, ông đi tìm kiếm bà T khắp nơi vẫn không gặp. Ông và bà T cũng không liên lạc với nhau từ đó cho đến nay. Do không có thông tin gì về bà T nên ông đã thực hiện thủ tục yêu cầu tuyên bố bà T mất tích. Hiện nay bà T đã về địa phương nhưng do thời gian dài không còn chung sống với nhau dẫn đến không còn tình cảm. Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

Ông và bà T chung sống có 04 con chung là Huỳnh Hà N, giới tính nữ, sinh ngày 16/11/1997; Huỳnh Thị N, giới tính nữ, sinh ngày 20/5/2002; Huỳnh Đại Pt, giới tính nam, sinh ngày 20/5/2004; Huỳnh Công T, giới tính nam, sinh ngày 11/5/2005. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Ông Th không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông trình bày không có nợ chung, không ai nợ ông bà nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên toà, trong quá trình giải quyết vụ án bà có ý kiến trình bày như sau: Bà thống nhất với trình bày của ông Huỳnh Ngọc Th về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà và ông Th chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Th quản lý tất cả tiền bạc, bà không có quyền tự quyết định. Hiện nay bà và ông Th đã không còn chung sống với nhau trong nhiều năm, ông bà cũng không liên lạc thăm hỏi, quan tâm lẫn nhau. Nay ông Th khởi kiện xin ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Th.

Bà và ông Th chung sống có 04 con chung là Huỳnh Hà N, giới tính nữ, sinh ngày 16/11/1997; Huỳnh Thị N, giới tính nữ, sinh ngày 20/5/2002; Huỳnh Đại P, giới tính nam, sinh ngày 20/5/2004; Huỳnh Công T, giới tính nam, sinh ngày 11/5/2005. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung. Bà trình bày không có nợ chung, không ai nợ ông bà nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đang cư trú tại khu phố 3, phường T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung và yêu cầu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Huỳnh Ngọc Th chung sống với nhau từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn, Do ông bà chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý. Xét thấy quá trình chung sống với ông bà không có hạnh phúc, mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế. Trong thời gian bà T bỏ đi từ năm 2018 cho đến nay ông bà không còn chung sống cùng nhau, ông bà cũng không liên lạc, không còn quan tâm thăm hỏi, chăm sóc nhau. Do đó tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn về chung sống hạnh phúc. Tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thụ lý đơn yêu cầu ly hôn, khoản 2 quy định như sau "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Ông Th và bà T chung sống có 04 con chung là Huỳnh Hà N, giới tính nữ, sinh ngày 16/11/1997; Huỳnh Thị N, giới tính nữ, sinh ngày 20/5/2002; Huỳnh Đại P, giới tính nam, sinh ngày 20/5/2004; Huỳnh Công T, giới tính nam, sinh ngày 11/5/2005. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Ông bà trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Ông bà đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: ông Th khởi kiện nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Tuy nhiên ông được miễn án phí đối với trường hợp người cao tuổi.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng.

2. Con chung: Ông Huỳnh Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống có 04 con chung là Huỳnh Hà N, giới tính nữ, sinh ngày 16/11/1997; Huỳnh Thị N, giới tính nữ, sinh ngày 20/5/2002; Huỳnh Đại P, giới tính nam, sinh ngày 20/5/2004; Huỳnh Công T, giới tính nam, sinh ngày 11/5/2005. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

3. Tài sản chung: Ông Huỳnh Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Ông Huỳnh Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Thanh T đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Án phí: Ông Huỳnh Ngọc Th được miễn án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND thành phố Hà Tiên;*
- *Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương